

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học**  
**theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT**

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Quyết định số 10/QĐ-HĐT ngày 16 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải (có văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Phân hiệu, Giám đốc các cơ sở đào tạo, Giám đốc các trung tâm, Trưởng các phòng, Trưởng các khoa, Trưởng các bộ môn, giảng viên và sinh viên của Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu ĐT, VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Nguyễn Văn Lâm**

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GTVT**

*(Kèm theo Quyết định số 2284/QĐ-ĐHCNGTVT ngày 24 tháng 6 năm 2021  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ GTVT)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định đào tạo trình độ đại học, đại học liên thông, đại học văn bằng hai hệ chính quy và hệ vừa làm vừa học theo hệ thống tín chỉ trong Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên, học viên từ khoá 72 (tuyển sinh sau ngày Quy chế có hiệu lực).

3. Trong quá trình thực hiện, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Quy chế này, giảng viên, sinh viên và các đối tượng khác có liên quan phải tuân thủ các quy định tại Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**Điều 2. Chương trình đào tạo và thời gian học tập**

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Nội dung, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau.

Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

3. Chương trình đào tạo được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi thực hiện.

#### 4. Thời gian theo kế hoạch học tập

Kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với các hình thức đào tạo như sau:

*Đại học hệ chính quy:*

+ Đào tạo cấp bằng **kỹ sư**: 05 năm.

+ Đào tạo cấp bằng **cử nhân**: 04 năm.

*Đại học liên thông*

+ Đào tạo cấp bằng **kỹ sư**: 2.5 năm

+ Đào tạo cấp bằng **cử nhân**: 02 năm

*Đại học văn bằng 2: 3.0 năm*

*Đại học vừa làm vừa học:* Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo.

5. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không vượt quá 02 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo.

### **Điều 3. Phương thức tổ chức đào tạo**

1. Phương thức tổ chức đào tạo thực hiện theo tín chỉ, áp dụng thống nhất đối với tất cả các khoá và hình thức đào tạo của Trường. Lớp học được tổ chức đào tạo theo từng học phần, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ của từng học phần

và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Nhà trường;

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy;

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

#### **Điều 4. Hình thức đào tạo**

##### 1. Đào tạo chính quy:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường;

b) Thời gian hoạt động giảng dạy trong khoảng từ 06 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần (từ thứ Hai đến thứ Bảy). Riêng các hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế áp dụng khung thời gian tùy theo điều kiện thực tế của cơ sở tiếp nhận thực tập, trải nghiệm.

##### 2. Đào tạo vừa làm vừa học:

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Trường hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo tại Điều 5 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài Trường, cơ sở phối hợp đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

## **Điều 5. Liên kết đào tạo**

Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo các quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **1. Đối với Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải:**

a) Trường Đại học công nghệ Giao thông vận tải đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Quyết định công nhận số 12/QĐ-KĐCLGD ngày 20/02/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam và Giấy chứng nhận số CSGD2017.04/CEA-AVU& C;

b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo chỉ thực hiện khi có 03 khoá liên tục tuyển sinh theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 chỉ liên kết đào tạo các ngành được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Trong quá trình liên kết đào tạo Nhà trường bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d) Trước khi liên kết đào tạo, Nhà trường phải ban hành Quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo.

### **2. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo:**

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

## **Chương II**

### **LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY**

#### **Điều 6. Kế hoạch giảng dạy và học tập**

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập chi tiết hóa việc tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo theo năm học, học kỳ, phù hợp với hình thức đào tạo và phương thức tổ chức đào tạo.

2. Kế hoạch năm học thể hiện những mốc thời gian chính của các hoạt động đào tạo trong năm học cho tất cả hình thức, chương trình đào tạo, được công bố kịp thời tới các bên liên quan trước khi bắt đầu năm học. Một năm học có 02 học kỳ chính với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp. Ngoài các học kỳ chính, tùy theo điều kiện thực tế của từng năm học, Nhà trường tổ chức thêm các học kỳ phụ.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến), lịch học, lịch thi của các học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khoá học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký học tập.

4. Thời khoá biểu thể hiện thời gian, địa điểm, hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoá học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khoá biểu của các lớp học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

#### **Điều 7. Tổ chức đăng ký học tập**

1. Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, phòng Đào tạo hướng dẫn sinh viên đăng ký học tập trên trang <https://utt.edu.vn/daotao>, thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình đào tạo, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, điều kiện tiên quyết để được đăng ký học cho từng học phần, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Tùy theo khả năng và điều kiện học tập của bản thân, người học tự đăng

ký các học phần cho từng học kỳ bằng hình thức trực tuyến hoặc trực tiếp. Các học phần đăng ký chỉ được coi là hợp lệ khi đảm bảo được các điều kiện tiên quyết của từng học phần, trình tự học tập của mỗi chương trình và khối lượng đăng ký học tập của người học trong mỗi học kỳ nhưng phải đảm bảo tối thiểu không ít hơn 15 tín chỉ (trừ kỳ học cuối khoá) và không vượt quá 30 tín chỉ.

### 3. Rút bớt học phần đã đăng ký

a) Người học muốn rút bớt học phần đã đăng ký phải tự viết đơn gửi phòng Đào tạo của Trường xin rút bớt học phần đã đăng ký trong phạm vi 02 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ chính, 01 tuần kể từ khi bắt đầu học kỳ phụ. Nếu được chấp nhận, sinh viên sẽ được hủy kết quả đăng ký các học phần xin rút nhưng không được trả lại kinh phí đào tạo các học phần xin rút. Ngoài thời hạn quy định, kết quả đăng ký vẫn được giữ nguyên, nếu sinh viên không đi học sẽ được xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F;

b) Khối lượng học tập sau khi rút bớt không được phép nhỏ hơn khối lượng tối thiểu quy định tại khoản 2 điều này;

c) Người học chỉ được phép nghỉ học đối với học phần xin rút bớt, sau khi được phòng Đào tạo chấp thuận và hủy kết quả đăng ký của học phần đó.

## **Điều 8. Tổ chức giảng dạy và học tập**

### 1. Tổ chức triển khai giảng dạy:

a) Khoa/Bộ môn có trách nhiệm triển khai, đôn đốc các giảng viên thực hiện giảng dạy, đánh giá các học phần theo thời khóa biểu của học kỳ và theo đề cương đã được phê duyệt. Bộ môn phụ trách giảng dạy phải đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy, xử lý các tình huống bất thường như giảng viên nghỉ ốm, dạy thay, dạy bù...

b) Phòng Thanh tra giáo dục chủ trì, phối hợp với Phòng Đào tạo và các đơn vị chức năng thuộc Trường tổ chức các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giảng dạy, học tập trong toàn Trường theo quy định.

c) Giảng viên lên lớp phải mang theo Kế hoạch giảng dạy và Bảng theo dõi kết quả học tập của sinh viên. Mỗi buổi lên lớp (kể cả dạy bù), giảng viên phải điểm danh và ghi số tiết vắng của mỗi sinh viên trong buổi học ... làm cơ sở để tính điểm chuyên cần cho sinh viên.

d) Thực hiện theo dõi giờ thực hành, thí nghiệm bằng Sổ theo dõi thực hành - thí nghiệm (theo mẫu quy định). Sổ theo dõi thực hành - thí nghiệm được quản lý và lưu trữ tại từng phòng thực hành, thí nghiệm.

e) Giảng viên khi thay đổi kế hoạch giảng dạy đột xuất phải thông báo với Khoa/Bộ môn và Phòng Thanh tra giáo dục, đồng thời có kế hoạch dạy bù trong thời gian của học kỳ để đảm bảo tiến độ học tập của sinh viên.

f) Trường hợp thay đổi giảng viên, thay đổi thời khóa biểu, phải tuân thủ các quy định trong quy trình quản lý giảng dạy, học tập của Phòng Đào tạo.

## 2. Thực hiện hoạt động học tập

a) Yêu cầu sinh viên phải tham gia học tập tối thiểu 80% số tiết của các học phần cả lý thuyết và thực hành.

b) Ngoài thời gian học tập ở trên lớp, tại các phòng thực hành, thí nghiệm, tại cơ sở thực tập, sinh viên còn phải thực hiện các hoạt động học tập khác, tham gia các bài kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của đề cương học phần và của giảng viên.

c) Sinh viên bị đau ốm, tai nạn trong quá trình học tập, phải làm các thủ tục sau đây:

- Chậm nhất 07 ngày sau khi bị ốm hoặc tai nạn, sinh viên nộp cho Phòng Đào tạo bộ Hồ sơ gồm: Đơn trình bày có xác nhận của Cố vấn học tập; Bệnh án có xác nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên.

- Sau khi được Phòng Đào tạo chấp thuận, sinh viên sao bộ Hồ sơ nói trên thêm 03 bản để nộp cho: Phòng Đào tạo, văn phòng khoa, Bộ môn có học phần. Sinh viên lưu giữ 01 bộ.

Tùy theo tình trạng bệnh tật, số ngày nghỉ và thời điểm nghỉ ốm, Phòng Đào



tạo sẽ hướng dẫn sinh viên học bù thời gian nghỉ ốm để đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần hoặc học lại học phần đã đăng ký.

### 3. Dạy và học trực tuyến:

a) Hằng năm, các đơn vị được phân công giảng dạy học phần căn cứ các quy định hiện hành về tổ chức các lớp học phương thức trực tuyến, lập danh mục các học phần đủ điều kiện tổ chức theo phương thức trực tuyến trình Ban Giám hiệu phê duyệt. Các lớp học trực tuyến được tổ chức khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và báo cáo về chất lượng tổ chức lớp học phương thức trực tuyến

b) Khối lượng đào tạo trực tuyến tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học;

c) Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, việc tổ chức học trực tuyến được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định cụ thể của Nhà trường.

## **Điều 9. Trách nhiệm của giảng viên và sinh viên**

### 1. Trách nhiệm và quyền lợi của giảng viên

- Xây dựng Kế hoạch giảng dạy học phần đáp ứng các mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần theo đề cương đã được ban hành, đồng thời có sự cập nhật, bổ sung các kiến thức, tài liệu, sử dụng linh hoạt các phương pháp giảng dạy, đánh giá tích cực, hiện đại nhằm phát huy tính chủ động của sinh viên.

- Hướng dẫn sinh viên chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp học tập, đánh giá học phần, tài liệu giảng dạy và học tập của học phần trong buổi học đầu tiên và có thể nhắc lại khi cần thiết.

- Triển khai hoạt động giảng dạy, đánh giá học phần theo đề cương đã được phê duyệt và chịu trách nhiệm trước Nhà trường về chất lượng giảng dạy học phần mà mình phụ trách.

- Tăng cường ứng dụng các công nghệ, trang thiết bị giảng dạy và thực hành, thực nghiệm hiện đại. Chủ động hướng dẫn sinh viên phương pháp học tập, phương pháp trình bày, diễn đạt các ý tưởng khoa học.

- Quản lý lớp học phân trong thời gian giảng dạy, chấp hành mọi Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Quy định của Nhà trường.

- Thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học khi được yêu cầu.

- Tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, các hoạt động giao lưu, trao đổi học thuật trong và ngoài trường.

- Được đóng góp ý kiến nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và quản lý.

## 2. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên

- Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững chương trình đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và những nội quy, quy chế, quy định của Trường. Khi cần thiết, sinh viên liên lạc với cố vấn học tập, giảng viên, Khoa/Bộ môn, các phòng, ban chức năng để được hướng dẫn và giúp đỡ.

- Thường xuyên theo dõi các thông báo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn của mỗi học kỳ để thực hiện các công việc theo đúng trình tự và đúng thời hạn. Thông tin chi tiết xem tại website <http://daotao.utt.edu.vn/> và tại các trang thông tin điện tử của Trường.

- Thực hiện việc đăng ký học phần và đóng học phí theo đúng thời gian quy định.

- Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký học, tham gia các hoạt động học tập, đánh giá theo đề cương học phần.

- Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong học tập, tích cực tham gia thảo luận, đóng góp vào bài giảng trong các học phần.

- Tuân thủ nghiêm chỉnh quy chế thi, kiểm tra của Nhà trường.

- Được tham gia nghiên cứu khoa học, các dự án khởi nghiệp, sáng tạo hoặc các hoạt động học thuật khác nhằm trau dồi phẩm chất và kiến thức chuyên môn.

- Được tham gia các hoạt động đoàn thể, không ngừng rèn luyện đạo đức lối sống và thể chất phù hợp với mục tiêu đào tạo của ngành học.

- Được đóng góp ý kiến về các nội dung: phương pháp giảng dạy của giảng viên, công tác quản lý, phục vụ, điều kiện cơ sở vật chất theo từng học kỳ và từng năm học...

- Được tiếp cận nguồn học bổng, chính sách hỗ trợ, miễn giảm học phí của Nhà nước, Nhà trường.

### Chương III

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

#### **Điều 10. Đánh giá và tính điểm học phần**

1. Đối với mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần, đối với các học phần có khối lượng nhỏ hơn 02 tín chỉ có thể chỉ có một điểm đánh giá. Các điểm thành phần được đánh giá theo thang điểm, phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần. Hình thức đánh giá trực tuyến được áp dụng khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần; riêng việc tổ chức bảo vệ và đánh giá đồ án, khóa luận được thực hiện trực tuyến với trọng số cao hơn khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Việc đánh giá được thực hiện thông qua một hội đồng chuyên môn gồm ít nhất 3 thành viên;

b) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên hội đồng và người học;

c) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

2. Sinh viên vắng mặt trong buổi thi, đánh giá không có lý do chính đáng phải nhận điểm 0. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được dự thi, đánh giá ở một đợt khác và được tính điểm lần đầu.

3. Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng làm tròn đến một chữ số thập phân; Điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 0,5.

3.1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành-thí nghiệm hoặc cả lý thuyết, thực hành-thí nghiệm và thảo luận:

$$\text{Điểm học phần} = 0,1 * \text{ĐCC} + 0,2 * \text{ĐTX} + 0,7 * \text{ĐKT}$$

*Trong đó:*

ĐCC - Điểm chuyên cần;

ĐTX - Điểm trung cộng của các điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm thảo luận; điểm đánh giá phân thực hành - thí nghiệm; điểm kiểm tra giữa học phần; bài tập lớn;

ĐKT - Điểm thi kết thúc học phần.

- Nếu sinh viên vắng mặt trên lớp quá 20% số tiết của học phần sẽ không được dự thi kết thúc học phần, nhận điểm F là điểm học phần và phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần khác (đối với học phần tự chọn).

- Sinh viên vắng mặt trên lớp nhỏ hơn hoặc bằng 20% số tiết học của học phần được tham dự kỳ thi kết thúc học phần.

- Điểm chuyên cần được xác định phụ thuộc vào thời gian lên lớp của sinh viên:

*Cách tính điểm chuyên cần*

| Thời gian lên lớp/Số tiết của học phần | <80% | 80% | 81÷85% | 86÷90% | 91÷95% | 96÷99% | 100% |
|--|------|-----|--------|--------|--------|--------|------|
| Điểm chuyên cần (Thang điểm 10)        | 0    | 5   | 6      | 7      | 8      | 9      | 10   |

3.2. Đối với các học phần đồ án môn học, tiểu luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập:

$$\text{Điểm học phần} = 0,3 * \text{ĐQT} + 0,7 * \text{ĐKT}$$

Trong đó:

ĐQT - Điểm quá trình thực hiện đồ án môn học, tiểu luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập.

ĐKT - Điểm chấm hoặc bảo vệ đồ án môn học, tiểu luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập.

3.3 Đối với các học phần đồ án / khóa luận tốt nghiệp:

Điểm học phần là điểm trung bình cộng của các thành viên tham gia chấm đồ án/khóa luận tốt nghiệp.

3.4. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

3.5. Điểm học phần được tính theo thang điểm 10, quy đổi ra điểm chữ như dưới đây, trừ các trường hợp được quy định tại điểm d khoản này.

a) Loại đạt có phân mức, áp dụng cho các học phần được tính vào điểm trung bình học tập, bao gồm:

A : từ 8,5 đến 10,0;

B<sup>+</sup>: từ 8,0 đến 8,4

B : từ 7,0 đến 7,9;

C<sup>+</sup>: từ 6,0 đến 6,9

C : từ 5,5 đến 5,9;

D<sup>+</sup> : từ 5,0 đến 5,4

D : từ 4,0 đến 4,9.

b) Loại đạt không phân mức, áp dụng cho các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập:

P: từ 5,0 trở lên.

c) Loại không đạt:

F: dưới 4,0.

d) Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập:

I: Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, kiểm tra;

X: Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu;

R: Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ.

4. Học lại, thi và học cải thiện điểm

4.1. Sinh viên được dự thi kết thúc học phần nhưng bỏ thi không có lí do chính đáng hoặc điểm học phần không đạt trong lần thi đầu tiên của mỗi lần học phải tham dự kì thi lại do Trường tổ chức. Trong mỗi lần học, nếu sinh viên phải thi lại thì điểm học phần sau khi thi lại của lần học đó chỉ được giới hạn từ mức

điểm C trở xuống.

4.2. Sinh viên bỏ thi không có lí do chính đáng hoặc điểm học phần không đạt trong lần thi lại của mỗi lần học phải đăng kí học lại học phần đó (với học phần bắt buộc) hoặc đổi sang học phần tương đương khác (với học phần tự chọn) cho đến khi đạt; điểm lần học cuối là điểm chính thức của học phần;

Sinh viên có đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

4.3. Sinh viên đã có điểm học phần đạt được đăng ký học cải thiện để cải thiện điểm TBC tích lũy.

4.4. Điểm TBC học kỳ để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo điểm học phần ở lần thi thứ nhất (không tính điểm thi lại, học lại). Điểm TBC học kỳ và điểm TBC tích lũy trong các trường hợp còn lại được tính theo điểm học phần cao nhất trong các lần học.

4.5. Sinh viên thi lại, học lại và học cải thiện kết quả phải nộp tiền theo quy định của Trường.

## 5. Một số quy định khác

### 5.1. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

1. Khi học phần kết thúc, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ vào cuối học kỳ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ dành cho những sinh viên không tham dự kỳ thi chính hoặc có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính và được tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, 01 ngày cho một tín chỉ.

5.2. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung, mục tiêu học phần đã quy định trong chương trình, đề cương chi tiết học phần. Đề thi kết thúc học

phần lấy từ ngân hàng đề thi đã được Hiệu trưởng duyệt.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp quy định trong đề cương học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết, chấm tiểu luận, bài tập lớn được thực hiện 2 vòng độc lập tại văn phòng tổ bộ môn. Giảng viên tuyệt đối không được phép mang bài thi, tiểu luận, bài tập lớn ra khỏi khu vực chấm bài. Sau khi chấm xong phải bàn giao cho cán sự quản sinh của khoa. Bài thi lý thuyết được cán sự quản sinh bàn giao cho phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo; tiểu luận, bài tập lớn lưu giữ tại văn phòng khoa và được lưu trữ ít nhất hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần, bảo vệ đồ án môn học mỗi sinh viên phải được hai giảng viên hỏi thi. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên không thống nhất được điểm thì trình Trưởng bộ môn hoặc Trưởng khoa quyết định.

Điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường và làm thành ba bản (01 bản chính, 02 bản sao). Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về văn phòng khoa (bản chính) và một bản gửi về phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo của Trường, chậm nhất một tuần sau khi thi.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này khi được Trưởng khoa cho phép được dự thi một lần ở kỳ thi phụ ngay sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường



hợp không có kỳ thi phụ hoặc thi không đạt trong kỳ thi phụ, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ phụ.

### **Điều 11. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khoá học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số như dưới đây:

- A quy đổi thành 4,0;
- B<sup>+</sup> quy đổi thành 3,5;
- B quy đổi thành 3,0;
- C<sup>+</sup> quy đổi thành 2,5;
- C quy đổi thành 2,0;
- D<sup>+</sup> quy đổi thành 1,5;
- D quy đổi thành 1,0;
- F quy đổi thành 0.

3. Những điểm chữ không được quy định tại khoản 2 Điều này không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Căn cứ điểm học phân tính theo thang điểm 4, sinh viên được xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy như sau:

- Từ 3,6 đến 4,0: Xuất sắc;
- Từ 3,2 đến cận 3,6: Giỏi;
- Từ 2,5 đến cận 3,2: Khá;
- Từ 2,0 đến cận 2,5: Trung bình;
- Từ 1,0 đến cận 2,0: Yếu;
- Dưới 1,0: Kém.

5. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học (gọi tắt là N) và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn (gọi tắt là M), cụ thể như sau:

- a) Trình độ năm thứ nhất:  $N < M$ ;
- b) Trình độ năm thứ hai:  $M \leq N < 2M$ ;
- c) Trình độ năm thứ ba:  $2M \leq N < 3M$ ;
- d) Trình độ năm thứ tư:  $3M \leq N < 4M$ ;
- đ) Trình độ năm thứ năm:  $4M \leq N < 5M$ .

#### **Điều 12. Xử lý kết quả học tập theo tín chỉ**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

- a) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng kí học trong học kỳ đó, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24.
- b) Số lần cảnh báo kết quả học tập của mỗi sinh viên không vượt quá 04 lần đối với chương trình đào tạo có kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa từ 4 năm trở xuống; 05 lần đối với chương trình đào tạo có kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa trên 4 năm, nhưng không vượt quá 02 lần liên tiếp.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Nhà trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

4. Sinh viên theo học trình độ đại học hệ chính quy, nếu thuộc diện bị buộc thôi học theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 của Điều này, được quyền xin xét chuyển sang chương trình Vừa làm vừa học tương ứng của Trường (nếu có) và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới này. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

### **Điều 13. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của Nhà trường xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;

b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;

c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Trước kỳ tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh công khai quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ, thông báo các học phần mà thí sinh dự

tuyển được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo theo học.

#### **Điều 14. Làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp**

1. Đầu học kỳ cuối khoá, các sinh viên được đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

2. Điều kiện đăng ký đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp: Tại thời điểm đăng ký, sinh viên còn nợ tối đa 10% tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình (ngoại trừ các học phần đang hoàn thiện trong kỳ học hiện tại, thực tập tốt nghiệp và đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp).

3. Hình thức, thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp:

- Hình thức và thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp: Theo qui định trong chương trình đào tạo;

- Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn và khoa đối với sinh viên trong thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được qui định cụ thể trong Phiếu giao nhiệm vụ tốt nghiệp do Khoa, bộ môn quản lý.

4. Đối với những trường hợp đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thực hành - thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, Trường có thể bố trí thời gian làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá.

#### **Điều 15. Chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp**

1. Hiệu trưởng ra quyết định Hội đồng chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp trên cơ sở đề xuất của khoa chuyên ngành. Thành phần Hội đồng chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp cho mỗi đồ án hoặc khóa luận có từ 3-7 giảng viên;

2. Điểm của đồ án tốt nghiệp hoặc khóa luận được chấm theo thang điểm chữ theo quy định tại khoản 3.2, Điều 10 của Quy chế này. Kết quả chấm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được công bố chậm nhất là 02 tuần, kể từ ngày bảo vệ đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

Điểm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp được tính vào điểm TBC tích lũy của toàn khóa học.

3. Sinh viên có đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp.

### **Điều 16. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp**

1. Theo kế hoạch đào tạo hàng năm, Nhà trường sẽ tổ chức xét tốt nghiệp tối thiểu 4 đợt cho sinh viên, học viên các hệ đào tạo.

2. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần quy định cho chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên (tính theo thang điểm 4);

d) Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính do Hiệu trưởng quy định;

đ) Đạt các học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất.

e) Đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ, Tin học theo Quy định hiện hành của Trường.

g) Có đơn gửi phòng Khảo thí và kiểm định chất lượng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

f) Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

2. Những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời

điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Nhà trường.

3. Hạng tốt nghiệp được xác định căn cứ vào điểm trung bình tích lũy toàn khoá được quy định tại khoản 4 Điều 11 của Quy chế này, trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành hoặc ngành phụ (nếu có).

5. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục Quốc phòng - An ninh hoặc Giáo dục thể chất hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình đào tạo ở trình độ thấp hơn hoặc chương trình hệ vừa làm vừa học tương ứng và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ khi học ở các chương trình mới.

## **Chương IV**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN**

#### **Điều 17. Nghỉ học tạm thời, thôi học**

1. Sinh viên được xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế;
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã phải học tối thiểu 01 học kỳ tại Trường và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này.

3. Sinh viên xin thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Khi sinh viên có nguyện vọng nghỉ học tạm thời, thôi học phải làm đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua phòng Đào tạo) trước kỳ học mới 2 tuần.

5. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tập tiếp, phải viết đơn gửi Hiệu trưởng (thông qua phòng Đào tạo) ít nhất 04 tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới, kèm theo giấy xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ đối với trường hợp được điều động vào các lực lượng vũ trang và xác nhận của chính quyền địa phương là không vi phạm pháp luật trong thời gian nghỉ tạm thời đối với các trường hợp còn lại.

### **Điều 18. Chuyển ngành, chuyển nơi học, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học**

Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một cơ sở khác của Trường cần đủ các điều kiện sau:

a) Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo, của

cơ sở đào tạo hoặc Phân hiệu cần chuyển đến trong cùng khóa tuyển sinh;

Sinh viên muốn chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác, hoặc một cơ sở khác của Trường phải làm đơn theo mẫu của Trường.

Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

Không đang là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này;

Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Được sự đồng ý của Hiệu trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức vừa làm vừa học hoặc đào tạo từ xa của cơ sở đào tạo nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định đối với hình thức chuyển đến.

### **Điều 19. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo**

Khi đưa sinh viên đi học trao đổi và hợp tác trong đào tạo, Nhà trường và cơ sở đào tạo hợp tác phải cùng xây dựng và ban hành quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ làm căn cứ cho phép sinh viên của Trường được học một số học phần tại cơ sở đào tạo đó và ngược lại.

Trên cơ sở đánh giá và công nhận lẫn nhau, sinh viên của Trường mới có thể đăng ký thực hiện học một số học phần tại cơ sở đào tạo mà Trường hợp tác và phải được hiệu trưởng của hai cơ sở đào tạo đồng ý với số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo khác (nếu có) không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.



Trong hợp tác đào tạo giữa các cơ sở đào tạo, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.

## **Điều 20. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau :

Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

d) Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 5 Điều 2 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

e) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng kí muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

## **Điều 21. Học liên thông đối với người có văn bằng khác**

1. Người đã tốt nghiệp cao đẳng do trường Đại học Công nghệ GTVT hoặc các trường đại học, cao đẳng khác có cùng chương trình đào tạo cấp, đối với bằng tốt nghiệp các trường nước ngoài hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì bằng phải được công nhận theo quy định cả Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, Hội đồng khoa học đào tạo Nhà trường tiến hành họp, xem xét số tín chỉ đã tích lũy để quyết định công nhận số tín chỉ được miễn trừ đối với người đăng ký học liên thông trình độ đại học (Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định tại Điều 13 của Quy chế này).

## **Điều 22. Xử lý vi phạm đối với sinh viên**

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học, thí nghiệm - thực hành, tham quan, thực tập, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, làm đồ án tốt nghiệp..., nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Sinh viên không đăng ký học tập, nếu không có lý do chính đáng sẽ được xem là tự ý bỏ học và phải chịu xử lý bằng một trong các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo hoặc xóa tên theo quy định hiện hành của Trường.

4. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

Ngoài trường hợp nêu tại khoản 1,2,3,4 của Điều này, tùy theo mức độ sai phạm, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Quy chế công tác sinh viên và Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành.

**Điều 23. Học phí và xử lý sinh viên vi phạm quy định đóng học phí**

1. Sinh viên có nghĩa vụ đóng học phí đầy đủ theo số tín chỉ đăng ký ngay trong tháng đầu của mỗi học kỳ. Nếu kết thúc tháng đầu mỗi học kỳ mà sinh viên vẫn không đóng học phí sẽ bị loại khỏi danh sách lớp, không được tham dự kỳ thi học kỳ và nhận điểm F đối với tất cả các học phần trong học kỳ đó, đồng thời, bị xử lý kỷ luật theo Quy chế công tác sinh viên hiện hành.

2. Sinh viên thuộc diện được xét miễn hoặc giảm học phí theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo phải làm hồ sơ xin miễn, giảm nộp cho phòng Đào tạo đúng hạn để Nhà trường làm các thủ tục miễn, giảm./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**ĐÃ KÝ**

**TS. Nguyễn Văn Lâm**